

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ - ST

Ngày 30 - 6 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Lê Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST - HNGĐ 15/4/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 18/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST - HNGĐ ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị T1, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: tổ 7, khu 1, phường T3, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
Có mặt.

2. Bị đơn: anh Khổng Tiến P, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: tổ 5, khu N, phường T2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, lời tự khai và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T1 trình bày: chị Hoàng Thị T1 và anh Khổng Tiến P được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012. Đến năm 2018, chị T1, anh P tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung vợ chồng ngay thời gian đầu đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân do anh P mãi chơi, rượu chè không có trách nhiệm với gia đình vợ con nên năm 2014, chị T1 đã về nhà ngoại ở tại tổ x, khu x, phường T3, thành phố Cẩm Phả, vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy chị T1 đã khai sinh cho con mang họ của mình là họ “Hoàng”. Đến năm 20xx, do anh P nhìn nhận được sai lầm, hứa sửa đổi, bản thân chị T1 thương con nên đã tự nguyện đăng ký kết hôn với anh P và thay đổi hộ tịch cho con mang họ “Khổng”. Tuy nhiên cuộc sống chung vợ

chồng hòa thuận không được bao lâu thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra do anh P thường xuyên uống rượu say, quấy rối cuộc sống của chị T1 và con khiến chị T1 không thể chịu đựng được. Chị T1 đã nhiều lần nói chuyện, khuyên giải nhưng anh P không thay đổi. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi, đánh nhau. Đến tháng 11/20xx chị T1 đã về ngoại ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, chị T1 không còn tình cảm với anh P nữa. Chị T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng, trầm trọng không thể khắc phục được nên kiên quyết xin ly hôn với anh Không Tiến P.

Chị Hoàng Thị T1 và anh Không Tiến P có một con chung là Không Minh H1, sinh ngày xx/x/20xx. Từ khi con sinh ra cho đến nay chị T1 là người nuôi con, anh P không có trách nhiệm với con và thường xuyên uống bia rượu nên chị không tin tưởng khi giao con chung cho anh P nuôi dưỡng. Con chung có quan điểm muốn ở với mẹ. Vì vậy, khi ly hôn chị T1 xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Chị T1 có cửa hàng làm đẹp, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/ tháng nên đảm bảo nuôi dạy con chung tốt.

Tài sản chung: chị T1 và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Tại bản tự khai anh Không Tiến P trình bày: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị T1 đã trình bày ở trên. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh P thường xuyên uống bia, rượu, chị T1 không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, lúc nóng giận anh P đã tát chị T1. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ cuối năm 20xx chị T1 và con ở hẳn nhà ngoại, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh P đã chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị T1 xin ly hôn anh P không đồng ý vì không muốn con thiếu tình cảm của bố mẹ.

Anh Không Tiến P và chị Hoàng Thị T1 có 01 con chung như chị T1 trình bày. Nếu ly hôn, anh P xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con. Hiện anh P làm công việc tự do thu nhập trung bình 10 triệu đồng/ tháng, có nhà riêng nên đảm bảo nuôi dạy con chung tốt.

Tài sản chung: anh P và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Không Tiến P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P cố tình vắng mặt.

Biên bản xác minh ngày 05/5/2021 nơi chị T1, anh P chung sống, tại tổ x, khu N, phường T2 được biết vợ chồng chị T1, anh P do mâu thuẫn nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không dành tình cảm cho nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa,

căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh Không Tiến P hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Không Tiến P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Hoàng Thị T1 và anh Không Tiến P chung sống với nhau từ năm 2012. Đến năm 2018, chị T1, anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2. Cuộc sống chung vợ chồng ngay thời gian đầu đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân do anh P thường xuyên uống bia, rượu, không có trách nhiệm với vợ con. Chị T1, anh P đã từng sống ly thân sau đó hàn gắn tình cảm nhưng được một thời gian vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2021, chị T1 về nhà ngoại ở phường T3, chị T1 và anh P đã ly thân từ đó cho đến nay, chị T1 không còn tình cảm với anh P. Lời khai của chị T1, anh P về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh P tại nơi cư trú. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh P.

[3] Về con chung: chị Hoàng Thị T1 và anh Không Tiến P có một con chung là Không Minh H1, sinh ngày xx/x/20xx. Tại bản tự khai anh P xin nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vụ án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh P cố tình vắng mặt nên không có ý kiến bảo vệ cho quan điểm của mình. Mặt khác con chung có nguyện vọng được ở với chị T1 và chị T1 có quan điểm xin nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị T1 hơn. Do đó giao con chung cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, anh P không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: chị T1 và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, vay nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: chị Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Thị T1 và anh Không Tiến P có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị T1.

1. Về hôn nhân: chị Hoàng Thị T1 được ly hôn anh Khổng Tiến P.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Khổng Minh H1, sinh ngày xx/20xx cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Khổng Tiến P không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005xxx ngày xx/x/20xx của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/6/2022. Bị đơn anh Khổng Tiến P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND phường T2, tp Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc